TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 269/2024/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 04 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 671/2024/TLST-HN ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1972.

ĐKTT: ấp 5 xã P huyện C, tỉnh Long An.

2. Bà Phan Thị T1, sinh năm 1977.

ĐKTT: ấp 5 xã P huyện C, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Văn T và bà Phan Thị T1 tự nguyện ly hôn, các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 26 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

[3] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Văn T và bà Phan Thị T1 thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: ông Trần Văn T và bà Phan Thị T1 thống nhất có 02 con chung tên Trần Thái Q, sinh năm 1999 và Trần Nhất P, sinh năm 2001, hiện nay đã trưởng thành.

Về tài sản chung: ông Trần Văn T và bà Phan Thị T1 trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông Trần Văn T và bà Phan Thị T1 trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: ông Trần Văn T tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền lệ phí việc Hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ 150.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí ông T nộp theo biên lai thu số 0012836 ngày 26/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An. Bà Phan Thị T1 tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền lệ phí việc Hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ 150.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí bà T1 đã nộp theo biên lai thu số 0012837 ngày 26/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An. Ông T và bà T1 đã nộp đủ.

Về các vấn đề khác: không có.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã P;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thùy Diễm